

CHƯƠNG 2

VAI TRÒ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG MỘT SỐ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH KINH TẾ

2.1. MỘT SỐ LÝ THUYẾT VỀ VAI TRÒ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC

2.1.1. Lý thuyết về tự do kinh tế

Lý thuyết về tự do kinh tế chủ trương đề cao vai trò của thị trường, ủng hộ tự do kinh tế và hạn chế đến mức thấp nhất sự can thiệp của nhà nước, thậm chí nguồn gốc của lý thuyết này là lý thuyết kinh tế học cổ điển còn nhấn mạnh: nhà nước không can thiệp vào kinh tế. Lý thuyết kinh tế học cổ điển ra đời từ nửa cuối thế kỷ XVIII và trở thành trường phái thống trị cho tới đầu thế kỷ XX với các đại biểu chính: A. Smith, J. B. Say, T. R. Malthus, J. S. Mill, D. Ricardo; trong đó tiêu biểu là A. Smith (1723 - 1790) với thuyết “Bàn tay vô hình”.

Xuất phát từ nhân tố “con người kinh tế” theo chủ nghĩa cá nhân, A. Smith cho rằng, con người bị chi phối bởi lợi ích cá nhân và trong khi chạy theo lợi ích đó, con người đã bị một “Bàn tay vô hình” buộc phải thực hiện thêm nhiệm vụ đáp ứng lợi ích của xã hội. Trong đó, lợi ích cá nhân là lợi ích xuất phát, lợi ích của xã hội là lợi ích phụ thuộc, giữa chúng không có mâu thuẫn với nhau và lợi ích của xã hội sẽ được phát triển

trong quá trình lợi ích cá nhân được thoả mãn. Còn “Bàn tay vô hình”, theo ông, là các quy luật kinh tế khách quan hoạt động tự phát, tự điều tiết trên thị trường, chi phối hành động của con người và một điều kiện cần thiết để cho chúng hoạt động là nền kinh tế phải phát triển trên cơ sở tự do kinh tế. Tự do kinh tế sẽ làm cho những lợi ích riêng, nguyện vọng riêng của con người tự nhiên hơn và do đó, buộc họ phải chia, phân phối tư bản trong xã hội bằng cách nào đó cho các công việc khác nhau để có thể thống nhất với lợi ích của toàn xã hội. Từ đó, ông cho rằng, sự phát triển kinh tế bình thường không cần có sự can thiệp của nhà nước và nhà nước không nên can thiệp vào kinh tế, nhà nước chỉ cần thực hiện tốt các chức năng cơ bản là: bảo vệ quyền sở hữu tư bản, bảo vệ an ninh trật tự xã hội, bảo vệ đất nước trước kẻ thù xâm lược. Ông chủ trương tự do kinh doanh, rất tin tưởng ở thị trường và đưa ra nguyên lý “Nhà nước không can thiệp”. Tuy nhiên, theo ông, nhà nước đôi khi cũng có nhiệm vụ kinh tế quan trọng như: xây dựng cầu cống, đường sá,... mà bản thân các doanh nghiệp không đủ sức làm được.

Trong khi đó, D. Ricardo (1772 - 1823) cho rằng, nhà nước không nên can thiệp vào kinh tế, đặc biệt là hoạt động của thị trường lao động và giúp đỡ người nghèo vì nếu làm như vậy sẽ ngăn cản hoạt động của quy luật tự nhiên. Tuy ông đề cao vai trò của tự do thương mại giữa các nước, nhất là tự do nhập khẩu và phủ nhận khủng hoảng kinh tế trong chủ nghĩa tư bản nhưng ông cũng phải thừa nhận vai trò điều tiết nền kinh tế của nhà nước thông qua chính sách thuế.

Còn J. B. Say (1766 - 1832) nhấn mạnh về một nhà nước bảo đảm các chức năng đặc quyền (quân đội, tư pháp, cảnh sát) và tránh mọi sự can thiệp vào kinh tế nhằm bảo vệ chế độ tự do mậu dịch. Ông chống lại chính sách bảo hộ bằng thuế quan của nhà nước, vì ông cho rằng, nếu để tự do lưu thông hàng hóa sẽ không có khủng hoảng kinh tế. Đặc biệt, ông không tán thành tạo lập các doanh nghiệp nhà nước mà chủ trương tư nhân hóa những doanh nghiệp đã quốc hữu hóa. Nhưng cũng giống như A. Smith, ông đề cao vai trò của nhà nước trong việc tạo môi trường thuận lợi cho sự làm giàu, nhất là việc nhà nước đứng ra xây dựng đường sá, cầu cống, kênh đào, cảng biển.

Đến đầu thế kỷ XX, lý thuyết cổ điển mới ra đời với những người sáng lập là L. Walras, B. Clark, A. Marschall, A. Pigou và những đại biểu này vẫn chủ trương tự do kinh tế, nhưng trong nội dung tư tưởng của họ đã có ít nhiều sắc thái về tư tưởng nhà nước can thiệp vào kinh tế.

Thuyết “Cân bằng tổng quát” của L. Walras (1834 - 1910) phản ánh sự phát triển tư tưởng “Bàn tay vô hình” của A. Smith về tư tưởng tự do kinh tế, nhưng ở đây, ông cũng đề cập đến việc nhà nước can thiệp vào kinh tế nhằm tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh để ổn định giá, hạn chế đầu cơ, đưa ra giá hàng phù hợp với các yếu tố đầu vào cũng như tiền lương của người lao động.

B. Clark (1847 - 1938) lại cho rằng, nhà nước nên đóng vai trò tích cực trong việc thay đổi cơ cấu kinh tế, mở rộng sản xuất thông qua việc xây dựng luật chống độc quyền, duy trì cạnh

tranh tự do, tác động tới sự trả lương hợp lý. Với A. Marschall (1842 - 1924), vai trò kinh tế của nhà nước được thể hiện trong định hướng ngành, cơ cấu ngành thông qua việc loại bỏ hay khuyến khích một ngành sản xuất bằng cách đánh thuế cao để loại chúng ra khỏi nền kinh tế hay trợ cấp để chúng phát triển nhanh, mang lại hiệu quả cho nền kinh tế.

Theo A. Pigou (1877 - 1959), đối với kinh tế, nhà nước nên can thiệp để có ưu tiên cho những quyết định mang tính quyền lợi chung và nhà nước phải tiến hành điều chỉnh nền kinh tế một cách thích hợp từ sản xuất cho tới phân phối sản phẩm.

Cũng dựa trên tư tưởng tự do kinh tế của Lý thuyết kinh tế học cổ điển, các lý thuyết của chủ nghĩa tự do mới về kinh tế chủ yếu ra đời sau chiến tranh thế giới lần thứ hai như: lý thuyết về nền kinh tế thị trường xã hội với đại biểu là Muller, Armack; lý thuyết trọng tiền với các đại diện chính là M. Friedman, H. Simons; lý thuyết trọng cung hiện đại với các đại biểu là A. Laffer, N. Ture,... Nội dung chính của các lý thuyết này là ủng hộ cơ chế thị trường, có sự điều tiết của nhà nước nhưng ở mức độ rất hạn hẹp, với khẩu hiệu: cần thị trường nhiều hơn và nhà nước can thiệp ít hơn. Tuy vậy, suy đến cùng, các lý thuyết này cũng thừa nhận rằng vai trò kinh tế của nhà nước là quan trọng và không thể thiếu được. Theo lý thuyết về nền kinh tế thị trường xã hội, trong nền kinh tế thị trường đề cao sự cạnh tranh có hiệu quả, cần phải có một nhà nước mạnh để hỗ trợ, ổn định và tương hợp với thị trường thông qua pháp luật và chính sách. Tương tự, lý thuyết trọng tiền cho rằng, các chính sách kinh tế vĩ mô đúng đắn của nhà nước, nhất là chính sách

tiền tệ ổn định, có hiệu quả dựa trên việc kiểm soát sự cung ứng tiền tệ kết hợp với chính sách thuế kiểm chế lạm phát, nhằm các mục tiêu tăng trưởng dài hạn chắc chắn sẽ đưa đến sự tăng trưởng kinh tế ổn định của một quốc gia. Cũng giống như lý thuyết trọng tiền, lý thuyết trọng cung hiện đại đề cập đến vai trò của nhà nước trong việc đề ra chính sách thuế đồng bộ gắn liền với chính sách tiền tệ hợp lý để giải quyết những vấn đề kinh tế dài hạn. Ngoài ra, lý thuyết trọng cung hiện đại còn cho thấy sự tác động của nhà nước vào các yếu tố cung dài hạn như vốn, chất lượng và số lượng lao động, khoa học - công nghệ sẽ đưa đến một nền kinh tế ổn định và tăng trưởng.

2.1.2. Lý thuyết kinh tế có điều tiết

Đây là lý thuyết điển hình về nền kinh tế có sự can thiệp mạnh của nhà nước do J. M. Keynes (1884 - 1946) sáng lập. Theo đó, ông phê phán kịch liệt chính sách tự do kinh tế của chủ nghĩa bảo thủ dựa trên thuyết “Bàn tay vô hình” của A. Smith, thuyết “Cân bằng tổng quát” của L. Walras và cho rằng, chúng không thể bảo đảm cho nền kinh tế phát triển lành mạnh. Qua đây, ông khẳng định vai trò to lớn của nhà nước trong nền kinh tế và nhấn mạnh thị trường không thể khắc phục được khủng hoảng kinh tế cũng như giải quyết được nạn thất nghiệp, nhất là trong bối cảnh phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất. Vai trò kinh tế đó của nhà nước, theo ông, được thể hiện tập trung ở việc điều chỉnh tổng cầu. Ông đưa ra khái niệm “tổng cầu hữu hiệu” được cấu thành bởi cầu tiêu dùng và cầu đầu tư. Cầu tiêu dùng phụ thuộc vào thu nhập và tiết kiệm còn cầu đầu tư lại phụ thuộc vào những dự báo của các

nhà kinh doanh về tiêu dùng trong xã hội. Theo ông, để khắc phục những mâu thuẫn trong quá trình tái sản xuất, đảm bảo cho sự cân bằng kinh tế và ngăn chặn các cuộc khủng hoảng kinh tế, nạn thất nghiệp xảy ra, thì không thể dựa vào cơ chế thị trường tự điều tiết mà chủ nghĩa tư bản phải có sự giúp sức của “Bàn tay nhà nước”, còn gọi là “Bàn tay hữu hình”, trong vai trò kinh tế thông qua việc sử dụng ngân sách nhà nước để kích thích đầu tư tư nhân và bản thân nhà nước cần chủ động đầu tư; sự đầu tư đó phải có chương trình và quy mô lớn để dựa vào đó, nhà nước thực hiện việc điều tiết kinh tế nhằm tăng cầu có hiệu quả, kích thích tiêu dùng, kích thích đầu tư, sản xuất, bảo đảm việc làm và tăng thu nhập. Ông cho rằng, nhà nước cần can thiệp mạnh vào kinh tế, bằng cách: tăng thêm những đơn đặt hàng đối với các doanh nghiệp trong việc xây dựng kết cấu hạ tầng, sản xuất hàng tiêu dùng... và ông coi đây là biện pháp chủ động để tăng cầu về tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, sức lao động cũng như tăng số lượng việc làm; sử dụng ngân sách nhà nước để bảo đảm hiệu quả ở mức có lợi cho các doanh nghiệp, giúp họ yên tâm đầu tư và áp dụng những biện pháp như: giảm lãi suất, giảm thuế, thực hiện tín dụng ưu đãi với các doanh nghiệp nhằm khuyến khích đầu tư; thực hiện “lạm phát có mức độ”, còn gọi là “lạm phát lành mạnh”, để kích thích thị trường thông qua việc in thêm tiền giấy và tăng thêm số lượng tiền tệ vào lĩnh vực lưu thông; dùng các biện pháp nhằm tăng thu cho ngân sách như phát hành công trái nhà nước, tăng thuế để điều tiết kinh tế. Trong lý thuyết đề cao vai trò nhà nước can thiệp vào kinh tế của mình, J. M. Keynes đặc biệt nhấn mạnh

đầu tư nhà nước có quy mô lớn để sử dụng tư bản nhàn rỗi, lao động thất nghiệp cũng như các chính sách tài chính, tín dụng, tiền tệ, thuế và ông coi đây là những công cụ kinh tế vĩ mô rất quan trọng của nhà nước để điều tiết có hiệu quả nền kinh tế.

Trong một thời gian dài, lý thuyết của J. M. Keynes đã giữ vị trí thống trị và được vận dụng ở hầu hết các nước tư bản phát triển. Dựa trên cơ sở lý thuyết của ông, trường phái Keynes mới đã ra đời và phát triển với những xu hướng vận dụng mới. Cũng đề cao vai trò kinh tế của nhà nước, nhưng trường phái Keynes mới ở Pháp coi trọng công cụ kế hoạch của nhà nước trong việc điều chỉnh kinh tế, bảo đảm nhịp độ kinh tế phát triển thích hợp và dễ dàng thay đổi được cơ cấu nền kinh tế quốc dân khi có nhu cầu đặt ra. Họ cho rằng, kế hoạch hóa là việc nhà nước điều chỉnh tổng hợp các hoạt động của doanh nghiệp trong nền kinh tế và là kế hoạch hóa mang tính chỉ dẫn chứ không phải là kế hoạch hóa mệnh lệnh mang tính pháp lệnh tập trung quan liêu. Trong khi đó, ở Mỹ, trường phái này lại đề cao chính sách tài chính của nhà nước, đánh giá cao vai trò của chi phí nhà nước, coi ngân sách nhà nước là công cụ chủ yếu để can thiệp vào kinh tế và tích cực ủng hộ việc nhà nước sử dụng các phương tiện như đơn đặt hàng lớn, hệ thống mua để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển. Đặc biệt, họ nhấn mạnh vai trò của nhà nước trong thời kỳ khủng hoảng kinh tế được thể hiện qua việc nhà nước tăng chi phí để bù đắp cho sự giảm sút của chi phí tư nhân.

Theo dòng chảy của lịch sử, một số lý thuyết hiện đại khác đã xuất hiện như: lý thuyết thể chế, lý thuyết điều tiết và điều

tán thành với tư tưởng lý thuyết của J. M. Keynes là nhà nước can thiệp vào kinh tế, nhưng là can thiệp một cách thích hợp, có mức độ. Hai lý thuyết này tỏ ra có ưu thế so với lý thuyết của J. M. Keynes do chúng mang tính thực tế hơn, gần với thị trường hơn và coi trọng các yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa, pháp luật, đạo đức trong xã hội. Lý thuyết điều tiết xuất hiện lần đầu tiên ở Pháp vào những năm 1970, cho rằng nhà nước không đơn giản là công cụ thống trị giai cấp mà cơ bản là hệ thống những thoả hiệp nhằm đạt được sự đồng thuận xã hội và được thể chế hóa dưới hình thức luật. Theo lý thuyết này, một trong những cách thức chủ yếu của phương thức điều tiết mà nhà nước tác động đến nền kinh tế là pháp luật và các quy tắc do nhà nước đề ra; nhưng mặt khác, nhà nước cần can thiệp thích hợp, gián tiếp thông qua việc định ra đường lối phát triển, khung pháp luật cũng như tạo môi trường, thể chế cho các cá nhân, doanh nghiệp đi đúng hướng chứ nhà nước không làm thay thị trường. Còn lý thuyết thể chế, xuất hiện ở Hoa Kỳ và phát triển mạnh vào những năm 1960, chủ trương nhà nước can thiệp vào kinh tế với những điều tiết lớn như: nhà nước điều tiết và làm trọng tài giải quyết mâu thuẫn giữa lao động và tư bản; điều tiết để cho các doanh nghiệp lớn thích ứng với đòi hỏi của tiến bộ khoa học và đầu tư quy mô lớn nhằm mục đích kế hoạch hóa công nghiệp nhưng có tăng cường địa vị của các thành phần kinh tế thị trường.

2.1.3. Lý thuyết về nền kinh tế hỗn hợp

Quan điểm về nền kinh tế hỗn hợp đã có từ cuối thế kỷ XIX và được P. A. Samuelson nâng lên thành tư tưởng chủ yếu trong

“Kinh tế học” của mình với chủ trương muốn phát triển kinh tế phải dựa vào cả “Bàn tay vô hình” và “Bàn tay hữu hình” là thị trường và nhà nước. Ông nhấn mạnh, để điều hành một nền kinh tế mà không có nhà nước hoặc không có thị trường thì cũng như định vô tay bằng một bàn tay.

Theo ông, đặc điểm kinh tế cơ bản cần nắm vững để giúp nền kinh tế tăng trưởng và phát triển lành mạnh là thị trường cần được kiểm soát thông qua sự chỉ huy vô hình của các quy luật kinh tế thị trường, còn nhà nước nên kiểm soát thị trường bằng các mệnh lệnh điều tiết, các kích thích tài chính. Ông đã chỉ ra, lợi nhuận là động lực chi phối hoạt động của người kinh doanh trong nền kinh tế thị trường và kinh tế thị trường phải được hoạt động trong môi trường cạnh tranh do các quy luật khách quan chi phối, nhưng bản thân kinh tế thị trường đôi khi cũng thất bại, bất lực do những nguyên nhân như: tình trạng độc quyền; những tác động từ bên ngoài như: ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên, chất thải và chất phóng xạ gây nguy hiểm; lạm phát và thất nghiệp; phân phối thu nhập không công bằng,... Do đó, theo ông, để khắc phục khuyết tật của kinh tế thị trường cần phải có bàn tay của nhà nước thông qua các công cụ chủ yếu như pháp luật, thuế, chi tiêu nhà nước và đó chính là vai trò kinh tế của nhà nước.

Vai trò kinh tế của nhà nước trong nền kinh tế thị trường được P. A. Samuelson mô tả thành bốn chức năng chính: thiết lập khuôn khổ pháp luật, thúc đẩy thị trường hoạt động có hiệu quả, đảm bảo sự công bằng và ổn định kinh tế vĩ mô.

Khuôn khổ pháp luật do nhà nước đề ra, theo ông, sẽ tác động sâu sắc tới các hành vi, ứng xử kinh tế của cá nhân, doanh nghiệp và chúng chính là các quy tắc về trò chơi kinh tế mà các doanh nghiệp, người tiêu dùng và cả bản thân nhà nước cũng phải tuân thủ như các quy định về tài sản, về hợp đồng, hoạt động kinh doanh, trách nhiệm của các tổ chức kinh tế - xã hội và nhiều luật lệ khác để xác định môi trường kinh tế. Ở đây, ông đặc biệt đề cao nhà nước trong vai trò đề ra pháp luật và điều hành nền kinh tế bằng pháp luật, nhất là các luật chống độc quyền, luật kinh tế để nâng cao tính cạnh tranh, ngăn chặn những tác động tiêu cực từ bên ngoài, đảm bảo cho thị trường hoạt động có hiệu quả.

Ông cho rằng, nhà nước không thể coi mọi hoạt động của độc quyền là tất yếu và chỉ có cạnh tranh hoàn hảo mới giúp cho thị trường hoạt động có hiệu quả, còn nguyên nhân dẫn đến thị trường hoạt động không có hiệu quả phần lớn do cạnh tranh không hoàn hảo, hay còn gọi là tình trạng độc quyền, cũng như những tác động bên ngoài gây ra. Vì vậy, nhà nước cần can thiệp vào kinh tế, chủ yếu bằng pháp luật, để hạn chế độc quyền và những tác động bên ngoài, giúp thị trường tiến tới có đủ sức cạnh tranh hoàn hảo. Mặt khác, nhà nước phải đảm nhiệm sản xuất hàng hóa công cộng và thu thuế trên cơ sở các luật thuế đề ra. Theo ông, hàng hóa công cộng là những hàng hóa mà khi một người đã dùng thì người khác vẫn có thể dùng được, tuy chúng có ý nghĩa quan trọng đối với quốc gia nhưng tư nhân thường không muốn sản xuất, vì không có lợi nhuận hoặc chậm thu được lợi nhuận; còn thuế mà nhà nước

thu chủ yếu tạo nên ngân sách nhà nước, một phần chi phí cho nhà nước hoạt động, phần lớn còn lại được nhà nước chi cho đầu tư sản xuất hàng hóa công cộng, hỗ trợ phúc lợi xã hội.

Một chức năng quan trọng của nhà nước được P. A. Samuelson đề cập đến là đảm bảo sự công bằng. Theo ông, nhà nước cần phải có những chính sách phân phối lại thu nhập, đặc biệt là chính sách thuế, để tạo ra sự công bằng trong xã hội, bởi vì sự phân hóa giàu nghèo, không công bằng, bất bình đẳng được sinh ra từ thị trường là một tất yếu ngay cả khi thị trường hoạt động có hiệu quả, trong điều kiện hoàn hảo nhất, lý tưởng nhất. Những chính sách mà nhà nước thường sử dụng, có thể là: thuế lũy tiến áp dụng cho thuế thu nhập và thuế thừa kế, hệ thống hỗ trợ thu nhập giúp người không có khả năng lao động, bảo hiểm thất nghiệp cho người không có việc làm, trợ cấp tiêu dùng cho nhóm người có thu nhập thấp,...

Ngoài ra, ông cho rằng, trong vai trò của mình, nhà nước còn có chức năng ổn định kinh tế vĩ mô. Ở đây, ông đánh giá cao sự đóng góp trí tuệ của J. M. Keynes trong việc phân tích, chỉ ra cách sử dụng một cách đúng đắn quyền lực về tài chính (quyền đánh thuế và chi tiêu) và quyền lực về tiền tệ (quyền điều tiết về tiền tệ và hệ thống ngân hàng để xác định mức lãi suất và điều kiện tín dụng) của nhà nước có thể ảnh hưởng lớn đến sự phát triển ổn định của nền kinh tế thông qua ổn định sản lượng hàng hóa, giá cả, việc làm và lạm phát. Theo ông, hai quyền lực này của nhà nước thể hiện thành hai chính sách chủ yếu và cơ bản trong chính sách kinh tế vĩ mô nói chung được

nhà nước thực hiện can thiệp vào thị trường nhằm tạo ra sự ổn định cho nền kinh tế phát triển.

Trong lý thuyết của P. A. Samuelson về thất nghiệp và lạm phát, bàn tay kinh tế của nhà nước cũng được thể hiện rất rõ qua các biện pháp: cải thiện dịch vụ thị trường lao động, đào tạo bồi dưỡng tay nghề cho công nhân, tạo ra nhiều việc làm công cộng, kiểm soát tiền lương, kiểm soát giá cả, sử dụng quy luật của thị trường và chính sách kinh tế mềm dẻo để hạn chế tăng giá nhằm giữ cho lạm phát ở mức vừa phải. Còn trong lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế, hàm ý của ông về vai trò của nhà nước ở các nước đang phát triển có ý nghĩa rất lớn. Chính nhà nước là người phối hợp các ưu thế của quốc gia cũng như khắc phục hạn chế của nó về tài nguyên thiên nhiên, con người, vốn, kỹ thuật, công nghệ để tổng hợp thành những véc-tơ cùng chiều tạo nên sức mạnh kinh tế thông qua các chính sách như mở cửa, tạo lập và thúc đẩy thị trường xuất khẩu phát triển nhanh, xây dựng nền công nghiệp có hiệu quả kinh tế theo quy mô lớn.

Như vậy, với lý thuyết về nền kinh tế hỗn hợp được trình bày trong “Kinh tế học”, P. A. Samuelson đã nêu lên tính cần thiết của cả thị trường và nhà nước trong sự phát triển kinh tế. Thị trường xác định và trả lời cụ thể những câu hỏi: sản xuất cái gì, như thế nào, cho ai. Trong khi đó, nhà nước điều tiết thị trường bằng các công cụ, chính sách kinh tế vĩ mô, đặc biệt là bằng pháp luật. Vai trò kinh tế của nhà nước được ông gói gọn trong những mục tiêu dài hạn của nhà nước: hiệu quả, công bằng và ổn định.

2.1.4. Lý thuyết về nhà nước kiến tạo phát triển kinh tế

Chalmers Johnson là người đầu tiên đưa ra thuật ngữ “Developmental State” trong cuốn sách “MITI and the Japanese Miracle - The Growth of Industrial Policy, 1925 - 1975” (Bộ Công nghiệp và Thương mại quốc tế và sự thần kỳ của Nhật Bản - Sự phát triển của chính sách công nghiệp, 1925 - 1975). Mục đích chính của Johnson khi giới thiệu ý tưởng về “nhà nước kiến tạo phát triển tư bản chủ nghĩa” gắn liền với lịch sử chính sách công nghiệp Nhật Bản hiện đại là mong muốn vượt xa sự tương phản giữa hai nền kinh tế Liên Xô¹ và Hoa Kỳ. Johnson chỉ ra rằng, Chính phủ Nhật Bản, đặc biệt là Bộ Công nghiệp và Thương mại quốc tế (MITI) đã đóng vai trò rất quan trọng và rất khác biệt trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Nhật Bản. Khác với các nước phát triển phương Tây, cũng như khác với các nước xã hội chủ nghĩa truyền thống, nhà nước Nhật Bản không chỉ khắc phục những thất bại của thị trường, mà còn tạo ra khuôn khổ cho sự phát triển, định hướng và thúc đẩy sự phát triển, đảm bảo một tốc độ tăng trưởng rất cao từ sau năm 1950. Johnson đã dùng thuật ngữ “Developmental State” để mô tả cách thức khác biệt mà Chính phủ Nhật Bản can thiệp vào nền kinh tế trong giai đoạn phát triển thần kỳ của Nhật Bản. Đặc điểm này để phân biệt với “nhà nước chỉ huy” như của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, nhấn mạnh việc kế hoạch tập trung và sự can thiệp toàn diện của nhà nước và

1 Liên Xô hay Liên bang Xô Viết, tên chính thức là Liên bang Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Xô Viết, là một cựu quốc gia nằm ở phía bắc lục địa Á - Âu, tồn tại từ năm 1922 đến cuối năm 1991.

“nhà nước điều chỉnh”, nhấn mạnh cạnh tranh thị trường và sự điều chỉnh như các nước Anh, Hoa Kỳ và nhiều nước tư bản chủ nghĩa khác.

Theo ông, nhà nước điều chỉnh (Regulatory State) là nhà nước quản lý nền kinh tế chủ yếu thông qua các cơ quan nhà nước được trao quyền lực để thực thi các chuẩn mực của nền kinh tế nhằm bảo vệ công chúng trước các hạn chế, tiêu cực của thị trường, như tình trạng độc quyền, cạnh tranh không lành mạnh và các hình thức lạm dụng quyền lực thị trường khác, cũng như bằng cách cung cấp các dịch vụ công cộng (an ninh quốc gia, giáo dục, y tế công cộng) mà thị trường không thể làm được. Còn nhà nước kiến tạo phát triển lại can thiệp trực tiếp và sâu hơn vào nền kinh tế thông qua các biện pháp nhằm thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp mới, giảm xáo trộn do sự thay đổi đầu tư và lợi ích các nền công nghiệp sang các nền công nghiệp mới. Vai trò can thiệp của nhà nước bao gồm cả định hướng mục tiêu phát triển như công nghiệp hóa, định hướng xuất khẩu và kết nối với các cơ quan nhà nước lẫn các doanh nghiệp tư nhân để đạt được các mục tiêu đó, chính vì thế đây được coi như là phiên bản mạnh của mô hình nhà nước kiến tạo phát triển.

Mô hình nhà nước kiến tạo phát triển của Chalmers Johnson có bốn đặc trưng cơ bản sau đây:

(i) có các quy tắc quản trị ổn định và vững chắc do giới tinh hoa chính trị, tạo ra vị thế tương đối độc lập trước các sức ép

chính trị từ xã hội mà có thể gây tổn hại tới việc thực hiện các chính sách kinh tế;

(ii) có sự hợp tác chặt chẽ giữa khu vực công và tư (nhà nước và doanh nghiệp). Sự hợp tác đó được bảo đảm và giám sát bởi một cơ quan chuyên trách (Bộ Công nghiệp và Thương mại Nhật Bản - MITI);

(iii) có sự đầu tư mạnh vào giáo dục, y tế và thực hiện các chính sách nhằm bảo đảm công bằng xã hội;

(iv) có một chính phủ mạnh, thậm chí chuyên chế, song nắm rõ và vận dụng tốt các quy luật của kinh tế thị trường.

Nhà nghiên cứu Adrian Leftwith trên cơ sở kế thừa và phát triển một số quan điểm của Chalmers Jonhson đã đưa ra sáu đặc trưng căn bản của mô hình nhà nước kiến tạo phát triển:

(i) có một tầng lớp quan liêu tinh hoa gắn gũi với nhà nước, giới tinh hoa trong nhà nước kiến tạo phát triển có số lượng nhỏ và những người này gắn gũi với chính quyền, tạo thành hạt nhân vững chắc và đoàn kết hỗ trợ cho nhà nước;

(ii) nhà nước có tính độc lập tương đối, nhà nước độc lập trước các nhóm áp lực (các giai cấp, tầng lớp, quyền lực mang tính địa phương) và đặt lợi ích quốc gia trên các lợi ích cá nhân này;

(iii) nhà nước điều phối kinh tế và phát triển một số thiết chế chuyên biệt. Các thiết chế này có thực quyền và năng lực kỹ thuật trong xây dựng và áp dụng các chính sách phát triển;

(iv) nhà nước kiến tạo phát triển thường được thiết lập trong bối cảnh xã hội dân sự yếu. Chính quyền mạnh, kiểm

soát chặt chẽ xã hội dân sự và không phải bận tâm nhiều với các nhóm đối lập. Kinh tế phát triển sẽ làm cho xã hội dân sự dần phát triển;

(v) nhà nước kiến tạo phát triển ít chịu ảnh hưởng bởi các lợi ích tư nhân. Điều này xuất phát từ việc quyền lực và sự độc lập của nhà nước được củng cố trước khi giới tư bản trở thành một thế lực ảnh hưởng;

(vi) nhà nước theo mô hình kiến tạo phát triển, các quyền dân sự sẽ bị hạn chế. Đây thường là các quốc gia phi dân chủ và có mức độ chuyên chế cao. Nhưng nhà nước lại có được tính chính danh và sự ủng hộ của người dân nhờ các lợi ích từ tăng trưởng kinh tế được phân phối tốt (trong giáo dục, chăm sóc sức khỏe và cơ sở hạ tầng...).

Trong thực tế, nhà nước kiến tạo phát triển gắn liền với nghiên cứu của Johnson về nền kinh tế Nhật Bản sau chiến tranh thế giới lần thứ hai và sau này là các nghiên cứu về các nền kinh tế mới ở châu Á. Nhà nước kiến tạo phát triển đã đem lại sự thành công của nhà nước Nhật Bản, cũng như các nước công nghiệp mới (Newly Industrialized Country - NIC) ở Đông Á và biến các quốc gia này thành các con hổ Đông Á, đặc biệt trong thập kỷ 1980 và 1990. Như đã được nhấn mạnh, tư duy hiện đại về nhà nước kiến tạo phát triển hình thành từ nghiên cứu kinh nghiệm của những con hổ Đông Á.

Sự “thần kỳ” của các nền kinh tế Đông Á chính là vai trò và năng lực của các thiết chế nhà nước trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế. Nhà nước kiến tạo phát triển thiết lập quyền tự

chủ thông qua việc tạo ra một bộ máy quan liêu có đặc trưng là sự công bằng và triển vọng nghề nghiệp dài hạn. Những đặc điểm này làm cho các nhà nước này có nền công vụ và công chức chuyên nghiệp, trung lập và ổn định. Giới lãnh đạo chính trị có cam kết về phát triển. Các tầng lớp chính trị như vậy tương đối thanh liêm hoặc sẽ hạn chế lợi ích cá nhân, hạn chế nạn tham nhũng. Trong một số trường hợp, vai trò của tầng lớp tinh hoa mới (giới tinh hoa nhà nước và kinh doanh) trong kiến tạo phát triển kinh tế. Ở châu Á, sự lãnh đạo chính trị có cam kết về phát triển thường được thúc đẩy bởi sự cạnh tranh khu vực, chủ nghĩa dân tộc và mong muốn được theo kịp với các nước phương Tây. Có hai yếu tố nổi bật từ thành công của các nhà nước kiến tạo phát triển Đông Á là:

(i) tầng lớp lãnh đạo, trong khi nắm giữ quyền lực tập trung, đã thể hiện một cam kết mạnh mẽ về xóa đói giảm nghèo và quan tâm đến việc này từ những giai đoạn đầu của sự phát triển. Sự quan tâm này được tích hợp vào các chính sách xã hội đưa đến sự phân phối tương đối bình đẳng, mức độ thất nghiệp thấp và tốc độ giảm nghèo nhanh;

(ii) tầng lớp lãnh đạo cũng đưa ra tiêu chí về phát triển kinh tế như là một tiêu chí cốt lõi nhất của hiệu quả lãnh đạo và là cơ sở cho tính chính đáng chính trị của cầm quyền. Đây chính là cơ sở của liên minh chính trị rộng rãi - sự liên minh trên cơ sở tăng trưởng kinh tế và lợi ích phát triển chung. Chính cơ sở này đã đảm bảo cho sự ổn định chính trị trong thời gian dài.

Kinh nghiệm Hàn Quốc đã được chứng minh về một nhà nước kiến tạo phát triển trong hành động. Hàn Quốc được xem như là trường hợp nguyên mẫu của kinh tế thị trường được điều chỉnh, mà trong đó tính hợp lý của thị trường bị hạn chế bởi các ưu tiên của quá trình công nghiệp hóa. Chính phủ đóng vai trò chiến lược trong việc huy động lực lượng trong nước và quốc tế và khai thác các lực lượng đó phục vụ lợi ích quốc gia. Các quốc gia như: Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore vốn được coi là tiêu biểu cho mô hình nhà nước kiến tạo phát triển. Mặc dù trong thế kỷ trước, các quốc gia này ít nhiều thể hiện phương pháp quản trị độc đoán. Chính vì vậy, nhà nước kiến tạo phát triển ở các quốc gia này gắn liền với các chế độ chuyên quyền (Authoritarian Regimes) tạo nên mô hình thể chế chuyên quyền định hướng sự phát triển. Trong thể chế chính trị, các nhà nước chuyên quyền có thể tạo ra những điều kiện thuận lợi hơn trong việc xây dựng nhà nước kiến tạo. Sự tập trung quyền lực ở mức cao nhất được coi là rất cần thiết cho nhà nước kiến tạo phát triển để có thể huy động nhanh nhất các nguồn lực và định hướng các quyết định của thị trường, dẫn dắt nền kinh tế. Tuy nhiên, một số thể chế chuyên quyền không quan tâm tới mục tiêu phát triển (như nhà nước Hàn Quốc vào những năm 1950), trong khi các chế độ độc đoán quá mức (như trường hợp của các nhà nước châu Phi) tạo ra các điều kiện bất lợi, bởi trong điều kiện như vậy, không thể có nền công vụ có năng lực và thẩm định quyền phục vụ cho sự phát triển. Quá trình dân chủ hóa trong vài ba thập kỷ vừa qua đã góp phần chuyển đổi từ thể chế chính trị chuyên quyền sang các nền chính trị chuyên

đổi và dân chủ ở nhiều quốc gia. Kinh nghiệm từ các quốc gia này đã củng cố thêm quan điểm về sự tương thích và thậm chí tương hỗ giữa dân chủ hóa và tăng trưởng kinh tế đồng thời phát triển mọi mặt xã hội.

Như vậy, nhà nước kiến tạo phát triển đã trở thành một khái niệm, vừa để phân biệt, so sánh với các mô hình nhà nước tư bản chủ nghĩa khác như: nhà nước cạnh tranh tự do, tức nhà nước tối thiểu (*laissez faire states*), nhà nước tự do cổ điển (*classical - liberal states*), nhà nước tự do mới (*neo - liberal states*), nhà nước điều tiết (*regulatory states*), nhà nước phúc lợi (*welfare states*); vừa để mô tả cách thức mà các nhà nước - các chính phủ không chỉ dựa vào các lực lượng thị trường, mà còn chủ động, tích cực can thiệp vào các quá trình kinh tế và chỉ đạo quá trình phát triển kinh tế nhằm đạt được các mục tiêu phát triển. Điều này có nghĩa là, khác với các mô hình nhà nước khác, nhà nước kiến tạo phát triển luôn xem sự phát triển là tiêu điểm trong ý thức hệ, đồng thời là tiêu chí cho sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực chính trị và hành chính trong việc chủ động can thiệp vào thị trường để đạt được các mục tiêu phát triển, trước hết là sự tăng trưởng kinh tế.

Đặc biệt, trong môi trường hội nhập và cạnh tranh toàn cầu hiện nay, một nhà nước không có năng lực chủ động định hướng phát triển sẽ không thể được xem là nhà nước tốt. Sự phát triển vượt trội của khoa học công nghệ, của kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế, sự nảy sinh của những vấn đề toàn cầu trong một thế giới đang chuyển đổi đã, đang và sẽ đặt ra rất nhiều yêu cầu cấp bách cho sự phát triển đối với mọi quốc gia, nhất là đối

với các nước đang phát triển. Một minh chứng trong thực tiễn chính trị đã cho thấy rằng, nếu không có một nhà nước kiến tạo phát triển, thì khó có thể lý giải được sự phát triển kinh tế ở các nước Đông Á trong những giai đoạn phát triển thần kỳ vào nửa cuối của thế kỷ XX. Ngày nay, để cạnh tranh với các nước lớn cũng như các đối tác phát triển, nhiều nước đang phát triển đang có khuynh hướng lựa chọn nhà nước kiến tạo phát triển để tận dụng và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế, thời cơ của mình trong từng chiến lược phát triển, chính sách phát triển. Do đó, nhà nước kiến tạo phát triển, trên nhiều phương diện, không thể bị coi là đang suy yếu hay không còn phù hợp trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, trái lại nhà nước kiến tạo phát triển đang ngày càng chuyển theo hướng mô hình linh hoạt (flexible development state) để thích ứng với những biến đổi nhanh và rộng trong xã hội hiện đại.

2.2. VAI TRÒ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG MÔ HÌNH KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Theo kinh nghiệm lịch sử, vai trò kinh tế của nhà nước thay đổi theo từng giai đoạn và ngay trong nền kinh tế thị trường của các quốc gia ở cùng một giai đoạn lịch sử như hiện nay cũng có những mô hình kinh tế khác nhau với mức độ can thiệp khác nhau của nhà nước trong vai trò kinh tế.

2.2.1. Mô hình kinh tế thị trường tự do của Hoa Kỳ

Đây là mô hình mà chủ nghĩa tự do kinh doanh và tình trạng không tin tưởng vào nhà nước của các công dân, tổ chức kinh tế đã tạo nên trọng tâm cho việc hình thành vai trò kinh

tế của Nhà nước Hoa Kỳ trong xã hội. Với phương châm “Nhà nước tốt nhất khi nó cai quản ít nhất” trong mô hình này, vai trò kinh tế của nhà nước bị giới hạn bởi pháp luật do Nhà nước Hoa Kỳ đề ra chỉ nhằm chủ yếu vào việc duy trì một sự cạnh tranh mạnh mẽ trong kinh tế. Trong khi đó, cơ chế thị trường hầu như thống trị hoàn toàn các lĩnh vực hoạt động kinh tế và xã hội: đổi mới được kích thích bởi đánh giá tư nhân về lợi nhuận, quyền hưởng giáo dục được tính toán theo doanh lợi về tư bản con người, chế độ thuế khóa ít mang tính phân phối lại, mức độ bảo đảm xã hội thấp,....

Nhưng không phải bao giờ cơ chế thị trường cũng có tác dụng và nhiều thị trường là không hoàn thiện; thậm chí vào những năm 1930, nền kinh tế thị trường ở Hoa Kỳ sụp đổ, gây ra những vấn đề xã hội và kinh tế nghiêm trọng, phải nhờ đến nhà nước khắc phục hậu quả. Mặt khác, nhiều hàng hóa tập thể không có bán trên thị trường nhưng lại được nhà nước cung ứng như: công viên, giao thông, an ninh công cộng. Ngày nay, mặc dù sự hoài nghi về vai trò kinh tế của nhà nước đã ăn sâu vào tâm hồn người Mỹ, nhưng bản thân nhiều người trong số họ lại đặt lòng tin vào nhà nước khi thị trường tự do đang đưa đến những thảm họa về môi trường, bỏ mặc nhiều người nghèo, người thất học trong tình trạng thất nghiệp, không nhà cửa. Nhiều người Mỹ cũng cho rằng, không có thị trường tự do nếu quan niệm thị trường tự do là thị trường không có sự can thiệp của nhà nước, bởi vì tất cả các thị trường hợp pháp đều được thiết lập theo pháp luật do nhà nước ban hành. Chỉ có thị trường chợ đen là không có sự can thiệp của nhà nước,

vì chúng tồn tại bên ngoài quyền lực nhà nước và bị kiểm soát bằng bạo lực, bị làm rối loạn bởi chính bạo lực.

Thực tế ở Hoa Kỳ cho thấy, tuy nhà nước ít can thiệp thông qua trợ cấp và tín dụng, nhưng lại thường sử dụng các chính sách ưu đãi về thuế khoá, đặc biệt là giảm thuế lợi tức. Để giúp đỡ các ngành công nghiệp thích nghi với điều kiện phát triển kinh tế, nhà nước không chi tiêu thêm mà giảm các khoản thu ngân sách. Bằng cách sử dụng chủ yếu các công cụ giảm thuế doanh nghiệp và đặc biệt là thuế lợi tức, nhà nước đã tạo điều kiện thuận lợi cho những doanh nghiệp nào biết cách thích nghi tốt hơn với thị trường.

Tuy cách thức can thiệp vào kinh tế của Nhà nước Hoa Kỳ không trực tiếp lấn sâu vào quyết định kinh doanh của doanh nghiệp, nhưng lại can thiệp bằng cách đặt ra các luật chơi. Đạo luật chống Tư-rớt là luật chơi nổi tiếng nhất trong những luật chơi mà Nhà nước Hoa Kỳ đặt ra. Đạo luật này không cản trở việc thành lập các tập đoàn công nghiệp có thể lực hay bảo vệ các doanh nghiệp nhỏ chống lại các doanh nghiệp lớn. Mục đích của đạo luật chống Tư-rớt là nhằm làm cho hiệu quả sản xuất tăng lên để tác động tích cực đến giá cả của hàng hóa ở trong nước chứ không phải hướng tới việc tập trung hóa doanh nghiệp. Một mặt, trong đạo luật này, Nhà nước Hoa Kỳ muốn tránh những thoả thuận về giá cả và tình trạng độc quyền quá mức trên thị trường nội địa, nhưng mặt khác lại cho phép các doanh nghiệp làm điều này trên thị trường nước ngoài.

Ngoài ra, Nhà nước Hoa Kỳ còn hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế vì doanh nghiệp và vì tiến bộ khoa học kỹ thuật bằng cách can thiệp dưới nhiều hình thức: đề ra chính sách bảo hộ mậu dịch với những biện pháp tăng cường hệ thống pháp lý, rào cản, ngăn chặn sự xâm nhập của sản phẩm nước ngoài vào thị trường nội địa; tăng các khoản chi tiêu lớn cho quốc phòng, chinh phục vũ trụ để thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động nghiên cứu và sáng tạo; thiết lập chế độ pháp lý ưu đãi, khuyến khích đưa nghiên cứu khoa học trong các trường đại học ứng dụng vào công nghiệp.

Như vậy, ngay trong mô hình kinh tế thị trường tự do kiểu Mỹ và trong cả nhận thức của nhiều người dân Mỹ, sự can thiệp vào kinh tế của Nhà nước Hoa Kỳ cũng không giảm đi nhiều và hơn nữa, bản thân Nhà nước Hoa Kỳ còn “ảnh hưởng trực tiếp” tới các nhân tố cơ bản của quá trình phát triển kinh tế. Mô hình này còn được thực hiện ở Canada, Australia.

2.2.2. Mô hình kinh tế thị trường xã hội của Đức

Đây là mô hình có sự kết hợp tự do cá nhân với công bằng xã hội theo ba yếu tố của nền kinh tế thị trường xã hội: cá nhân, đoàn kết, đấu tranh và bổ sung giữa cá nhân và đoàn kết. Tự do cá nhân được tuyệt đối đảm bảo, cạnh tranh là nguyên tắc tối cao, còn Nhà nước Đức có nhiệm vụ bảo đảm công bằng xã hội bằng các chính sách kinh tế, chính sách xã hội, nhưng những chính sách này phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp với cạnh tranh thị trường.

Trong mô hình này, yếu tố xã hội có ý nghĩa đặc biệt và chiếm vị trí quan trọng. Nhưng để đạt được những mục tiêu mang tính xã hội, trong khi các yếu tố thị trường thường có xu hướng mang lại lợi ích kinh tế tối đa cho cá nhân hoặc những nhóm người nhất định thì vai trò của nhà nước là không thể thiếu được trong hoạt động kinh tế. Nhưng vai trò đó không phải được thể hiện bằng cách xóa bỏ thị trường, bóp nghẹt thị trường mà nhà nước hỗ trợ và tương hợp với thị trường. Do nền kinh tế thị trường xã hội được xây dựng trên cơ sở sáng kiến của tự do cá nhân và hiệu quả của cạnh tranh, cho nên vai trò kinh tế của Nhà nước Đức được thể hiện thông qua sự can thiệp vào những nơi không đem lại hiệu quả kinh tế và định hướng, bảo đảm cho các hoạt động cạnh tranh có hiệu quả. Sự can thiệp kinh tế của nhà nước tuân theo hai nguyên tắc là hỗ trợ và tương hợp. Với nguyên tắc hỗ trợ, Nhà nước Đức đóng vai trò: khơi dậy, bảo vệ các nhân tố của thị trường bằng cách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân phát triển; thực hiện chính sách thị trường mở và xây dựng hành lang pháp lý về kinh tế mang tính khả thi cao, bảo đảm cho các doanh nghiệp tự chủ, độc lập trong sản xuất kinh doanh; ổn định nền kinh tế bằng các chính sách tài chính, tiền tệ đúng đắn, thích hợp và duy trì chế độ sở hữu tư nhân cũng như giữ gìn an ninh, trật tự, đảm bảo công bằng xã hội. Còn theo nguyên tắc tương hợp, vai trò kinh tế của Nhà nước Đức được thực hiện bằng việc hoạch định các chính sách kinh tế phù hợp với sự vận động của nền kinh tế thị trường, đồng thời bảo đảm các mục tiêu kinh tế - xã hội của quốc gia. Các

chính sách kinh tế thể hiện sự phối hợp trong hoạt động kinh tế giữa Nhà nước với thị trường như chính sách nhân lực, chống khủng hoảng chu kỳ, thương mại, tăng trưởng là những chính sách chủ yếu để thực hiện mục tiêu tăng trưởng và ổn định nền kinh tế Đức.

2.2.3. Mô hình kinh tế thị trường kiểu nghiệp đoàn của Nhật Bản

Mô hình này lại đề cao vai trò của các doanh nghiệp lớn với thể chế nghiệp đoàn mang tính hợp tác giữa chủ và thợ, mang tính phân công tổ chức lao động giữa các doanh nghiệp lớn và một số lượng lớn các doanh nghiệp vừa và nhỏ dưới hình thức gia công nhằm đảm bảo sự ổn định về tổ chức, con người, sự phối hợp ăn ý trong hoạt động kinh doanh để đạt được hiệu quả cao trong nội bộ từng doanh nghiệp cũng như giữa các doanh nghiệp. Điển hình là các doanh nghiệp lớn trong ngành sản xuất tư liệu sinh hoạt lại là thị trường tin cậy của các doanh nghiệp chuyên sản xuất ra tư liệu sản xuất và ngay cả bản thân người tiêu dùng Nhật Bản, đồng thời là nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp, cũng có tâm lý thị hiếu không ưa hàng nước ngoài. Mặt khác, mối quan hệ chặt chẽ, ràng buộc lẫn nhau giữa các doanh nghiệp với giới ngân hàng trong nước cho phép các doanh nghiệp tự chủ hơn trong kinh doanh từ chuyên môn hóa và đa dạng hóa sản phẩm cho đến việc chủ động đầu tư vào các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Trên thực tế, ngoài ảnh hưởng chủ yếu của các doanh nghiệp lớn với thể chế nghiệp đoàn, sự thành công của mô hình này còn gắn liền với vai trò kinh tế của Nhà nước Nhật Bản thông qua thị trường quốc doanh, các

chương trình phát triển công cộng. Đã có đánh giá cho rằng sự thành công của mô hình kinh tế thị trường kiểu nghiệp đoàn ở Nhật Bản gắn liền với chiến lược kinh tế “duy ý chí” hơn là với chiến lược kinh tế tự do, nghĩa là ở đây có sự can thiệp nhiều hơn của nhà nước trong việc cung cấp tài chính và thực hiện các chính sách với những mục tiêu đã được xác định cụ thể. Thật vậy, trong mô hình này, nhà nước đóng vai trò quan trọng là tác nhân đề xuất và thực thi những kế hoạch phát triển kinh tế, cung cấp những thông tin phản hồi các biến động kinh tế, thương mại, kỹ thuật cho các doanh nghiệp, các ngân hàng.

Ở Nhật Bản, đầu tư của doanh nghiệp tư nhân là động lực chủ yếu cho tăng trưởng nhanh nền kinh tế chứ không phải là các đầu tư của nhà nước, nhưng nhà nước đã tạo ra môi trường kinh doanh ổn định thông qua việc thiết lập cơ cấu pháp luật thuận lợi cho đầu tư tư nhân và hơn nữa là sự thân thiện, tăng cường giao tiếp giữa nhà nước với các doanh nghiệp. Do vậy, mặc dù thiên về vai trò trung tâm của thị trường, sự năng động và hiệu quả của các doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân, mô hình kinh tế thị trường kiểu nghiệp đoàn cũng thể hiện sự đánh giá cao các chức năng hoạch định và điều phối hợp lý của nhà nước, đồng thời khẳng định vai trò tích cực của nhà nước trong quản lý kinh tế vĩ mô thông qua các chính sách, xây dựng kết cấu hạ tầng, cung cấp các hàng hóa công cộng, phát triển nguồn lực con người. Đặc biệt, các chương trình tín dụng có định hướng do nhà nước thiết kế đã được đánh giá là tăng đầu tư, khuyến khích doanh nghiệp vay vốn vào các hoạt động kinh doanh và hướng vào các doanh nghiệp có tiềm năng lớn

để phổ biến công nghệ. Tuy nhiên, có những giai đoạn, nhất là giai đoạn đầu của sự phát triển, Nhà nước Nhật Bản đã can thiệp trực tiếp vào nền kinh tế bằng cách hạn chế tự do nhập khẩu thông qua những chính sách bảo hộ mậu dịch trong nước. Cuối cùng, mô hình này đã cho thấy: sự kết hợp giữa thị trường và nhà nước được đề cao, chỉ riêng thị trường hay chỉ riêng nhà nước thì không thể có nền kinh tế phát triển được và sự thành công của kinh tế Nhật Bản chủ yếu là nhờ sự hợp tác giữa nhà nước và doanh nghiệp tư nhân.

2.2.4. Mô hình kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc

Mô hình kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc chính thức được hình thành vào năm 1992 với mục tiêu cải cách thể chế kinh tế Trung Quốc là xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa nhằm làm cho thị trường phát huy được vai trò mang tính khách quan trong việc bố trí các nguồn lực quốc gia dưới sự điều tiết vĩ mô của nhà nước xã hội chủ nghĩa, từ đó làm cho các hoạt động kinh tế tuân theo các quy luật giá trị, cạnh tranh, cung cầu, tạo ra động lực và sức ép đối với doanh nghiệp, lợi dụng ưu điểm của thị trường trước các tín hiệu kinh tế để điều tiết kịp thời sản xuất và nhu cầu tiêu dùng. Trong mô hình này, xã hội chủ nghĩa và kinh tế thị trường không có mâu thuẫn cơ bản, giữa chúng có thể tương hợp, kết hợp hữu cơ với nhau; kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa có những đặc trưng cơ bản là lấy chế độ công hữu, chế độ phân phối theo lao động làm chủ thể, lấy sự điều tiết vĩ mô của nhà nước làm chủ đạo. Do đó, theo các nhà lý luận kinh tế

Trung Quốc, mô hình này đã kết hợp kinh tế có kế hoạch với kinh tế thị trường để giải phóng lực lượng sản xuất, thúc đẩy kinh tế phát triển.

Lý luận của mô hình kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa cho rằng, kế hoạch và thị trường chỉ là biện pháp kinh tế, trong chủ nghĩa xã hội cũng có thị trường và trong chủ nghĩa tư bản cũng có kế hoạch. Ở đây, “Bàn tay vô hình” là thị trường, được đánh giá hết sức quan trọng, đã phát huy tác dụng to lớn trong việc phân phối tài nguyên hợp lý, nâng cao hiệu suất sử dụng tài nguyên, tạo điều kiện cho kinh tế xã hội phát triển. Hiện nay ở Trung Quốc: đã cơ bản xây dựng xong hệ thống thị trường hàng hóa các loại thông suốt, phục vụ đầy đủ các mặt hàng với trên 95% nguồn hàng hóa là do thị trường điều phối, hàng hóa do nhà nước định giá chưa đầy 5%; đã hình thành một hệ thống thị trường tương đối hoàn chỉnh gồm thị trường lao động, vốn, bất động sản, thông tin, khoa học - công nghệ,... Nhưng thực tế mô hình cũng cho thấy thị trường có những hạn chế mà tự thân nó không thể khắc phục được do nó điều tiết một cách tự phát đối với nền kinh tế và vì vậy dễ tác động xấu, thậm chí phá hoại nền kinh tế. Muốn khắc phục những khiếm khuyết của thị trường, đòi hỏi phải có “Bàn tay hữu hình” để điều tiết nền kinh tế vĩ mô.

Ở Trung Quốc, “Bàn tay hữu hình” là nhà nước trong mô hình kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa có uy lực to lớn với vai trò điều tiết kinh tế vĩ mô. Điều này thể hiện bằng việc nhà nước tham gia và can thiệp vào hoạt động của thị trường thông qua các chính sách tài chính, chính sách tiền tệ, quy định pháp luật

và biện pháp hành chính. Mục đích điều tiết kinh tế vĩ mô của nhà nước là thúc đẩy kinh tế phát triển, tạo việc làm, ổn định giá cả, bảo đảm cân đối thu chi ngân sách quốc gia, thực hiện các chính sách xã hội. Để tăng cường sức mạnh cho vai trò của mình, Nhà nước Trung Quốc áp dụng ba giải pháp lớn: không ngừng đổi mới, hoàn thiện hệ thống điều tiết vĩ mô, có sự phối hợp giữa kế hoạch nhà nước với các chính sách tài chính, tiền tệ, đầu tư; cải cách và thay đổi chức năng của bộ máy nhà nước cho phù hợp với cách thức quản lý nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh cải cách về phân phối thu nhập cá nhân và chế độ bảo đảm xã hội. Đặc biệt, trong các giải pháp này, nhà nước triển khai việc thực hiện quản lý nền kinh tế chủ yếu bằng: các biện pháp kinh tế như phát hành tiền tệ, tiền dự trữ ngân hàng, lãi suất tiền gửi, nghiệp vụ thị trường công khai,...; các biện pháp hành chính và pháp luật như quy định, quy phạm về chế độ quản lý tài chính, chế độ quyết sách và quản lý ngân sách, thể chế đầu tư, chế độ đấu thầu, giám sát quản lý công trình, quản lý hợp đồng, trách nhiệm pháp nhân, pháp luật hóa bộ máy và biên chế, thể chế quản lý hành chính,...

Hiện nay, những nhà hoạch định chính sách của Trung Quốc nhấn mạnh rằng, nền kinh tế trong mô hình kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa là nền kinh tế pháp quyền, tức là nền kinh tế tuân theo pháp luật. Trong đó các hoạt động chủ yếu của thị trường, việc ổn định trật tự thị trường, thực hiện cạnh tranh công bằng, sự điều tiết vĩ mô kinh tế của nhà nước đối với thị trường đều được quy định, hướng dẫn, ràng buộc, thi hành và được đảm bảo bằng pháp luật. Ngay cả trong giao

lưu kinh tế với thế giới cũng phải được tuân theo các quy tắc và thông lệ quốc tế mà Nhà nước Trung Quốc đã tham gia ký kết. Do vậy, yêu cầu của mô hình là phải xây dựng Nhà nước Trung Quốc pháp quyền xã hội chủ nghĩa để thực hiện quản lý đất nước theo pháp luật và phát huy các ưu thế cũng như hạn chế các bất cập của nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa trong công cuộc phát triển kinh tế đất nước.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Arne Svensson (2007), *Vai trò và chức năng quản lý nhà nước diễn ra ở Việt Nam*, Hội thảo do Viện Chiến lược và Chính sách nông nghiệp và phát triển nông thôn tổ chức ngày 08/9/2007 tại Hà Nội.
2. Lê Xuân Bá (2013), *Tổng quan về các đợt phá chiến lược tại Việt Nam, Kinh tế Việt Nam năm 2013, triển vọng năm 2014: nỗ lực thực hiện ba đợt phá chiến lược*, Diễn đàn kinh tế mùa thu 2013, thành phố Huế.
3. Lê Xuân Bá (2013), *Vị trí, vai trò và xu hướng phát triển của các thành phần kinh tế ở Việt Nam*, Hội thảo “Phát triển kinh tế nhiều thành phần ở Việt Nam hiện nay: thực trạng và giải pháp”, Viện Nghiên cứu và Quản lý kinh tế Trung ương.
4. Vũ Đình Bách (2008), *Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5. Ban Chấp hành Trung ương (2001), *Nghị quyết số 07/NQ-TW của Bộ Chính trị về Hội nhập kinh tế quốc tế*, Hà Nội.

6. Ban Chấp hành Trung ương (2010), *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng*, Văn kiện Đại hội Đảng toàn tập, Phần I, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. Ban Chấp hành Trung ương khoá XII (2016), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 (Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05 tháng 11 năm 2016) về thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới*, Hà Nội.
8. Ban Đối ngoại Trung ương (2013), “Về thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc”, *Tạp chí Đối ngoại*, (8), trang 48 - 50.
9. Ban Kinh tế Trung ương (2015), *Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
10. Ban Kinh tế Trung ương (2017), *Việt Nam với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
11. Báo Điện tử Chính phủ, “Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng là khâu quan trọng nhất, 29/9/2015”, truy cập tại <http://baochinhphu.vn/Du-thao-Van-kien-Dai-hoi-Dang-XII/Doi-moi-su-lanh-dao-cua-Dang-la-khau-quan-trong-nhat/237430.vgp>.

12. Tập Cận Bình (2018), *Tập Cận Bình về quản lý đất nước Trung Quốc (tập I)*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Nhà xuất bản Ngoại văn Trung Quốc, Hà Nội.
13. Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010 định hướng đến năm 2020*, tại trang <http://dangcongsan.vn>, [truy cập ngày 06/8/2016].
14. Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2014), *Kết luận số 103-KL/TW ngày 29 tháng 9 năm 2014 của Bộ Chính trị về sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết trung ương 6 Khóa X về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, Hà Nội.
15. Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Kết luận số 01-KL/TW ngày 04 tháng 4 năm 2016 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 48- NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
16. Bộ Nội vụ (2008), *Cơ sở xác định vai trò, chức năng của bộ máy nhà nước trong cơ chế chuyển đổi ở Việt Nam hiện nay*, Hội thảo khoa học.
17. Lý Tuyết Cần, *Sự lãnh đạo của Đảng là đảm bảo căn bản nhất của xây dựng nhà nước pháp trị xã hội chủ nghĩa*.

18. Chu Văn Cáp (chủ biên) (1997), *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
19. Trần Thị Minh Châu, Hoàng Ngọc Hòa và Nguyễn Anh Hoàng, và các đồng tác giả (2006), *Sở hữu Nhà nước và doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
20. Hoàng Minh Chiến (2015), “Tranh chấp trong kinh doanh và thẩm quyền giải quyết tranh chấp hợp đồng trong kinh doanh theo pháp luật Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*, (7).
21. Phạm Minh Chính, Vương Quân Hoàng (2011), *Kinh tế Việt Nam: Thăng trầm và Đột phá*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
22. Nguyễn Văn Cương (2017), *Chức năng kinh tế của Nhà nước trong 30 năm đổi mới - nhìn từ góc độ pháp lý*, Đề tài khoa học cấp bộ, Hà Nội.
23. Mai Ngọc Cường (Chủ biên) (1996), *Lịch sử các học thuyết kinh tế*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
24. Dag Detter, Stefan Folster (2017), *Quản lý hiệu quả tài sản công*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
25. David O.Dapice, Đại học Harvard (2000), *Các lựa chọn và cơ hội - các con đường đã mở ra trước Việt Nam*, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

26. Huỳnh Thế Du (2013), “Luận giải về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu và thảo luận*, (29).
27. Nguyễn Đăng Dung (2006), *Nhà nước và trách nhiệm của nhà nước*, Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.
28. Nguyễn Đăng Dung, Trịnh Quốc Toàn và Đặng Minh Tuấn (Đồng chủ biên) (2016), *Bình luận khoa học Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
29. Chu Đức Dũng (2002), *Vai trò của nhà nước trong phát triển kinh tế - Kinh nghiệm Pháp*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
30. Nguyễn Sĩ Dũng (2018), “Nhà nước kiến tạo hay nhà nước điều chỉnh”, tại trang <http://www.tiasang.com.vn/>, [truy cập ngày 25/5/2018].
31. Trần Thái Dương (2002), *Chức năng kinh tế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Viện Nghiên cứu Nhà nước và pháp luật, Hà Nội.
32. Đặng Đức Đạm (2002), *Phân cấp quản lý kinh tế*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VI*, Tài liệu của Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.

34. Đảng Cộng sản Việt Nam (1994), *Nghị quyết Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa VII*, Tài liệu của Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
35. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
36. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), “Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010”, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
37. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), “Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2001 - 2005”, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
38. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Nghị quyết Đại hội Đảng IX*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
39. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
40. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

41. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
42. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Tham luận tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
43. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
44. Nguyễn Văn Đăng (2006), “Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - Mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội”, trong cuốn *Việt Nam 20 năm đổi mới*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
45. Đê-vít Ôux-bốt và Tét-Ghebơ (1997), *Đổi mới hoạt động của Chính phủ*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
46. Lý Nhạc Đúc (2014), *Xây dựng chính phủ pháp trị là nội dung quan trọng của thúc đẩy toàn diện quản lý đất nước theo pháp luật*, Hội đồng Lý luận Trung ương, Hội thảo Lý luận lần thứ 10 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc: *Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc*, Hà Nội.

47. Bùi Xuân Đức (2002), “Vai trò, chức năng và hiệu lực của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong bối cảnh kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế” trong cuốn *Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội.
48. Bùi Xuân Đức (2010), “Vai trò, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế hiện nay”, *Tạp chí Luật học*, (5).
49. Trần Ngọc Đường (2015), “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước”, tại http://www.nhandan.com.vn/mobile/mobile_chinhtri/mobile_tintucsukien/item/27834202.html, [truy cập ngày 29/10/2015].
50. E.Wayne Nafziger (1998), *Kinh tế học của các nước đang phát triển*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội
51. Tô Tử Hạ (2015), *Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay*, Bộ Nội vụ, 30-7-2015, <http://moha.gov.vn/70-nam/nghien-cuu-trao-doi/xay-dung-va-nang-cao-chat-luong-doi-ngu-can-bo-cong-chuc-nham-dap-ung-yeu-cau-nhiem-vu-trong-giai-doan-hien-nay-18036.html>.

52. Minh Hạnh (2016), “Chính phủ liêm chính kiến tạo động lực để phát triển”, tại trang www.laodongthudo.vn, [truy cập ngày 06/12/2016].
53. Lê Hồng Hạnh (1991), “Kinh tế thị trường và sự cần thiết phải hoàn thiện pháp luật kinh tế”, *Nhà nước và Pháp luật*, (4).
54. Lê Hồng Hạnh (1992), *Khung pháp luật - một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, tham luận tại Hội thảo khoa học của Bộ Tư pháp, Hà Nội.
55. Vũ Hạnh (2015), “Bộ máy công kênh, cán bộ, công chức khó sống được bằng lương?”, tại trang <http://vov.vn/vov-binh-luan/bo-may-cong-kenh-can-bo-cong-chuc-kho-song-duoc-bang-luong-443481.vov>, [truy cập ngày 24/10/2015].
56. Lê Thu Hằng (2002), “Góp phần đổi mới nhận thức về chức năng của Nhà nước”, *Tạp chí Luật học*.
57. Vũ Văn Hiền (chủ biên) (2017), *Giữ vững độc lập, tự chủ trong hội nhập quốc tế*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
58. Đinh Trường Hinh, Thomas G.Rawski, AliZafar LihongWang, Eleonora Mavroeidi (2014), *Các câu chuyện từ mặt trận phát triển kinh tế*, Nhà xuất bản Hồng Đức, Hà Nội.

59. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (1999), Tập đề cương bài giảng *Quản lý kinh tế*, Khoa Quản lý kinh tế, Hà Nội.
60. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2001), *Giáo trình quản lý kinh tế*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
61. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2014), *Quản lý kinh tế*, Giáo trình cao cấp lý luận chính trị, tập 12, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
62. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2016), *Những tranh luận mới về chủ nghĩa xã hội (Chủ nghĩa xã hội: từ lý luận đến thực tiễn, tập 1)*, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
63. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2017), *Những điều kiện để Việt Nam phát triển nhanh và bền vững trong bối cảnh mới*, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
64. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình cao cấp lý luận chính trị, Nhà nước và Pháp luật Việt Nam*, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
65. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018), *Quản lý kinh tế*, Giáo trình cao cấp lý luận chính trị, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội
66. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2018), *Kinh tế chính trị Mác - Lênin*, Giáo trình cao cấp lý luận chính trị, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

67. Học viện Hành chính quốc gia Việt Nam, Học viện Hành chính vùng Mets (Cộng hoà Pháp), Viện Kinh tế Việt Nam (2019), *Xây dựng Chính phủ kiến tạo, liêm chính trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
68. Hội đồng Lý luận Trung ương (2011), *Hội thảo lý luận lần thứ 8 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Hà Nội.
69. Hội đồng Lý luận Trung ương (2012), *Chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội trong thế kỷ XXI*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
70. Hội đồng lý luận Trung ương (2013), *Một số vấn đề lý luận - thực tiễn chủ yếu trong quá trình đẩy mạnh công cuộc đổi mới ở Việt Nam và Lào*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
71. Hội đồng Lý luận Trung ương (2013), *Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam và chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế ở Trung Quốc*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
72. Hội đồng Lý luận Trung ương (2014), “Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc”, *Hội thảo Lý luận lần thứ 10 giữa Đảng Cộng sản và Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Hà Nội.

73. Hội đồng Lý luận Trung ương (2015), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn mới đặt ra trong tình hình hiện nay*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
74. Hội đồng Lý luận Trung ương (2015), *Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và Lào - Lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
75. Hội đồng Lý luận Trung ương (2015), *Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam*, mã số KX.04.26/11-15.
76. Hội đồng Lý luận Trung ương (2015), *Phát triển và sáng tạo quản trị xã hội - Kinh nghiệm Trung Quốc, kinh nghiệm Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
77. Hội đồng Lý luận Trung ương (2015), *Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - Kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
78. Hội đồng Lý luận Trung ương (2015), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986 - 2016) ngày 27/3/2015 về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, Hà Nội.
79. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), *Chuyên đề số 4: Vấn đề xây dựng Nhà nước kiến tạo phát triển Việt Nam*, Hà Nội.

80. Hội đồng Lý luận Trung ương và Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam (Hội thảo khoa học) (2017), *Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh mới*, Hà Nội.
81. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), *Hội nhập quốc tế - Kinh nghiệm của Lào, kinh nghiệm của Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
82. Hội đồng Lý luận Trung ương (2018), “Một số nhận thức lý luận và thực tiễn về xây dựng thể chế phát triển nhanh - bền vững: những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam trong giai đoạn mới”, *Hội thảo Thể chế phát triển nhanh - bền vững: kinh nghiệm quốc tế và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam trong giai đoạn mới*, Vĩnh Phúc.
83. Hội đồng Lý luận và Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2019), “Quan điểm, chủ trương, giải pháp phát triển kinh tế bền vững, sáng tạo, bao trùm”, *Tài liệu Tọa đàm*, Hà Nội.
84. Phí Mạnh Hồng (2013), “Quan niệm như thế nào về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay?”, *Kỷ yếu Hội thảo Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường tại Việt Nam: Một số vấn đề lý luận - thực tiễn mới đang đặt ra*, tháng 6/2013, trang 137 - 152.
85. Nguyễn Quang Hồng, Trần Đình Tuấn (2012), “Vai trò nhà nước đối với hoạt động xuất khẩu hàng hóa trong điều kiện của hội nhập kinh tế quốc tế”, *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế*, (409).

86. Nguyễn Thị Việt Hương (1996), *Quản lý nhà nước về kinh tế trong điều kiện kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Luận văn cao học Luật, Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Quốc gia, Hà Nội.
87. J.E. Stiglitz (2008), *Tờ Người bảo vệ của Anh ngày 16/9/2008*, Anh.
88. Joseph E. Stiglitz (1995), *Kinh tế học công cộng*, Nguyễn Thị Hiền, Lê Ngọc Hùng và Nguyễn Văn Hưởng biên dịch, Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật và Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
89. Joseph E. Stiglitz, Bruce C. Greenwald (2017), *Xây dựng xã hội học tập - Cách tiếp cận mới cho tăng trưởng, phát triển và tiến bộ xã hội*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
90. Võ Văn Kiệt (trả lời phỏng vấn) (2007), *Thời kỳ mới đang cần một Chính phủ biết bút phá*, VietNamNet, ngày 19/7/2007.
91. Klaus Schwab (2018), *Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Bộ Ngoại giao, Diễn đàn kinh tế thế giới.
92. Lao động (2013), “30% công chức sáng cấp ô đi, tối cấp về”, ngày 26/01/2013”, truy cập tại <http://vnexpress.net/tin-tuc/thoi-su/30-cong-chuc-sang-cap-o-di-toi-cap-ve-2419375.html>.

93. Trần Du Lịch (2014), *Nhận thức về vai trò nhà nước và kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường của nước ta*, Diễn đàn quốc gia.
94. Hoàng Thế Liên, Bùi Ngọc Cường (2001), “Những vấn đề lý luận cơ bản về Luật Kinh tế Việt Nam”, *Giáo trình Luật Kinh tế*, Trường Đại học Luật Hà Nội.
95. Nguyễn Văn Linh (1991), *Đổi mới để tiến lên*, tập III, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội.
96. Lê Bộ Lĩnh (2002), *Chủ nghĩa tư bản hiện đại - khủng hoảng kinh tế và điều chỉnh*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
97. Lê Thành Long, Nguyễn Khánh Ngọc và Trần Anh Tuấn (2015), *Tác động của hội nhập quốc tế đến hệ thống pháp luật Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
98. Võ Đại Lược (chủ biên) (2011), *Những vấn đề cơ bản của phát triển kinh tế Việt Nam đến năm 2020*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
99. M. Rajaretnam - Thái Quang Trung (2013), *Một Đông Nam Á - Vận mệnh chung, tương lai chung*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
100. Nguyễn Mại (2015), *Độc và suy ngẫm*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
101. Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, tập 7, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

102. Nguyễn Đức Minh (2009), “Quyền tự do kinh doanh của công dân trong Nhà nước thuế”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (9).
103. Đinh Tuấn Minh, Phạm Thế Anh (chủ biên) (2016), *Từ nhà nước điều hành sang nhà nước kiến tạo phát triển*, Nhà xuất bản Tri thức, Hà Nội.
104. Ngân hàng thế giới (1997), *Nhà nước trong một thế giới chuyển đổi*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
105. Ngân hàng thế giới và Chính phủ Australian (2019), *Vai trò của Nhà nước trong phát triển kinh tế Việt Nam - Chương trình nghị sự đề xuất nhằm xây dựng một nhà nước kiến tạo để thúc đẩy một nền kinh tế cạnh tranh và hiệu quả hơn*.
106. Phạm Duy Nghĩa (2004), *Chuyên khảo luật kinh tế*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
107. Phạm Duy Nghĩa (2012), “Cải cách thể chế nhằm thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế”, *Diễn đàn Kinh tế mùa xuân 2012*, Đà Nẵng, trang 134 - 145.
108. Hoàng Văn Nghĩa (2002), “Học thuyết nền kinh tế thị trường xã hội và ý nghĩa đối với Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, (8), trang 58 - 59.
109. Nhà xuất bản Từ điển bách khoa (1999), *Từ điển luật học*, Hà Nội, trang 98.

110. Trần Nhâm (chủ biên) (1998), *Có một Việt Nam như thế - Đổi mới và phát triển kinh tế*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
111. Nhiều tác giả (1995), *Kinh tế Đông Á nền tảng của sự thành công*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.
112. Nhóm Ngân hàng thế giới, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2014), *Việt Nam 2035 - Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ*, Báo cáo tổng quan.
113. P. A. Samuelson, William. D Nordhans (1997), *Kinh tế học*, tập 1, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
114. Phùng Hữu Phú, Nguyễn Văn Đăng và Nguyễn Viết Thông (Đồng chủ biên) (2016), *Tìm hiểu một số thuật ngữ trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
115. Phùng Hữu Phú, Lê Hữu Nghĩa, Vũ Văn Hiền và Nguyễn Viết Thông (Đồng chủ biên) (2016), *Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
116. Nguyễn Xuân Phúc (2014), “Cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính: Thực trạng và giải pháp”, tại trang, <http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu-trao- doi/trao-doi-binh-luan/cai-cach-hanh-chinh-trong-linh-vuc-tai-chinh-thuc- trang-va-giai-phap-41205.html>, [truy cập ngày 17/01/2014].

117. Trần Phương, Đặng Phong (2009), *Tư duy kinh tế Việt Nam 1975 - 1989*.
118. Ngọc Quang, “Số lượng công chức, viên chức tăng chóng mặt từ năm 2007 - 2014”, *Báo Giáo dục Việt Nam*.
119. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp năm 2013*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
120. Nguyễn Duy Quý, Nguyễn Tất Viễn (2010), *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân - Lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
121. Lương Xuân Quỳ (1993), *Cơ chế thị trường và vai trò của Nhà nước trong quản lý nền kinh tế nước ta hiện nay*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, mã số KX.03.04.
122. Lương Xuân Quỳ (Chủ nhiệm), *Quản lý nhà nước trong quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước KX.01-09.
123. Thục Quyên (2015), “Tổ tụng trọng tài: Xu hướng mới trong xử lý tranh chấp thương mại”, tại trang <http://baophapluat.vn/phong-su-dieu-tra-ve-kinh-te/to-tung-trong-tai-xu-huong-moi-trong-xu-ly-tranh-chap-thuong-mai-229457.html>, [truy cập ngày 25/02/2018].

124. Robert D. Atkinson và Stephen J. Ezell (2017), *Kinh tế học đổi mới - Cuộc đua giành lợi thế trên phạm vi toàn cầu*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
125. Lê Anh Sắc, Doãn Công Khánh, “Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam - Lý luận, thực tiễn và giải pháp”, tại trang [http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2014/26037/Xay-dung-nen-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu.aspx](http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2014/26037/Xay-dung-nen-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu), [truy cập ngày 25/02/2014].
126. Nguyễn Hồng Sơn (2004), *Vai trò kinh tế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
127. Nguyễn Hồng Sơn, Vương Quân Hoàng (2015), “Chức năng kinh tế” và “Chức năng quản lý kinh tế” của Nhà nước”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, (604).
128. Nguyễn Hồng Sơn (2017), “Vai trò kinh tế của nhà nước trong hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh mới”*, Hội đồng Lý luận Trung ương và Viện Hàn lâm khoa học xã hội phối hợp tổ chức Hà Nội, trang 295 - 304.
129. Nguyễn Hồng Sơn (2017), “Vai trò của nhà nước trong quá trình đất nước phát triển nhanh và bền vững”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Những điều kiện để Việt Nam phát triển nhanh và bền vững trong bối cảnh mới”*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, trang 201 - 206.

130. Nguyễn Hồng Sơn (2017), *Kinh nghiệm xử lý mối quan hệ nhà nước - thị trường của Hoa Kỳ*, Đề tài KX.04.12/16-20, Vũ Văn Hà (chủ nhiệm), Hà Nội.
131. Lê Văn Sua (2015), “Án lệ và vai trò của án lệ trong hoạt động xét xử của Tòa án”, tại trang <http://moj.gov.vn/mobile/Pages/ngghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=7046>, [truy cập ngày 03/11/2015].
132. Tạ Ngọc Tấn (2019), “Tổ chức bộ máy hệ thống chính trị - vấn đề trung tâm trong xây dựng thể chế phát triển nhanh, bền vững ở Việt Nam”, tại trang <http://hdll.vn/>, [truy cập ngày 11/02/2019].
133. Chu Tấn (2013), *Nhìn lại quyết sách của Chính phủ Trung Quốc từ cải cách mở cửa đến nay*, Tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu Tổng kết 30 năm đổi mới, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
134. Chu Hồng Thanh (1993), *Nhà nước quản lý kinh tế bằng pháp luật trong cơ chế thị trường ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Phó Tiến sĩ khoa học Luật học, Học viện Chính trị Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
135. Trần Thành (2013), *Chủ nghĩa xã hội Việt Nam hiện nay - những quan điểm lý luận cơ bản*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
136. Phạm Sĩ Thành (2017), “Định hình kinh tế Trung Quốc sau Đại hội 19”, *Thời báo kinh tế Sài Gòn*, (43), trang 60 - 61.

137. Nguyễn Đức Thành (Chủ biên) (2017), *Đẩy nhanh cải cách vì một nhà nước kiến tạo*, Báo cáo Thường niên kinh tế Việt Nam, Nhà xuất bản Đà Nẵng, Đà Nẵng.
138. Đinh Xuân Thảo (2014), “Đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa”, *Hội thảo Lý luận lần thứ 10 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Việt Nam Trung Quốc: Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa - kinh nghiệm Việt Nam, kinh nghiệm Trung Quốc*, Hội đồng Lý luận Trung ương Hà Nội, trang 21 - 34.
139. Nguyễn Văn Thọ, Nguyễn Viết Thông (Đồng chủ biên) (2011), *Tìm hiểu một số thuật ngữ trong Văn kiện Đại hội XI của Đảng*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
140. Nguyễn Văn Thọ (2017), “Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*.
141. Theo Vnexpress (2015), “Chính phủ tham gia facebook”, tại trang <http://sdtv.vn/vn/chinh-phu-tham-gia-facebook>, [truy cập ngày 30/8/2018].
142. Đặng Văn Thi (2015), “Quan điểm của Đảng, nhà nước về xóa đói, giảm nghèo trong giai đoạn hiện nay”, tại trang <http://hocvienchinhtribqp.edu.vn/index.php/bai-bao-khoa-hoc/quan-diem-cua-dang-nha-nuoc-ve-xoa-doi-giam-ngheo-trong-giai-doan-hien-nay.html>, [truy cập 23/3/2015].

143. Think Tank Vinasa (2019), *Việt Nam thời chuyển đổi số*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.
144. Trần Văn Thọ (2002), “Làm gì trước thách thức và thời cơ mới”, *Thời báo Kinh tế Sài Gòn*, (21).
145. *Thời báo Kinh tế Sài Gòn* (2019), “Sao không thấy hình bóng của thanh tra, kiểm tra”, (27), ngày 04/7.
146. Lê Minh Thông (2011), *Đổi mới, hoàn thiện bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân ở Việt Nam hiện nay*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
147. Thủ tướng Chính phủ (2010), “Cốt lõi đơn giản thủ tục hóa hành chính là vì dân”, tại trang <http://thutuong.chinhphu.vn/Home/Cot-loi-phuong-an-don-gian-hoa-thu-tuc-hanh-chinh-la-vi-dan/20104/11374.vgp>, [truy cập ngày 14/4/2010].
148. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2017 về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp*, Hà Nội.
149. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2017 về tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 theo tinh thần Chính phủ đồng hành cùng doanh nghiệp*, Hà Nội.
150. *Thương hiệu và pháp luật* (2017), “Việt Nam tăng 14 bậc về môi trường kinh doanh”, tại trang <http://thuonghieuvaphapluat.vn/>, [truy cập ngày 20/02/2019].

151. Trần Quốc Toàn (Chủ biên) (2019), *Thế chế phát triển nhanh - bền vững, kinh nghiệm quốc tế và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam trong giai đoạn mới*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
152. Tổng cục Thuế (2014), “Cần đột phá trong cải cách hành chính và tài chính công”, tại trang [https://chukysofpt.wordpress.com/2014/09/27/can-dot-pha-trong-cai-cach-hanh-chinh-va-tai-chinh-cong/amp/](https://chukysofpt.wordpress.com/2014/09/27/can-dot-pha-trong-cai-cach-hanh-chinh-va-tai-chinh-cong/), [truy cập ngày 2/6/2018].
153. Nguyễn Phú Trọng (chủ biên) (2008), *Đổi mới và phát triển ở Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
154. Nguyễn Phú Trọng (chủ biên) (2011), *Về các mối quan hệ lớn cần được giải quyết tốt trong quá trình đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
155. Trần Bình Trọng (2009), *Giáo trình lịch sử các học thuyết kinh tế*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
156. Nguyễn Thế Trung (2015), “Đảng cầm quyền và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội”, *Tạp chí Cộng sản*, (4).
157. Nguyễn Thế Trung (2019), “Ô nhiễm môi trường - Thực trạng và giải pháp”, tại trang <http://hdll.vn/>, [truy cập ngày 11/6/2019].

158. Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2002), *Quản lý kinh tế* (dùng cho cao học và nghiên cứu sinh), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
159. Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2008), *Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
160. Nguyễn Kế Tuấn (2013), “Một số vấn đề về sở hữu và thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam”, *Kỷ yếu Hội thảo Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường tại Việt Nam: Một số vấn đề lý luận - thực tiễn mới đang đặt ra*, June, Vol 2, pp. 403-436.
161. Nguyễn Kế Tuấn (Chủ biên) (2015), *Phát triển đất nước thành nước công nghiệp hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa*, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
162. Việt Tuấn (2014), “Giám sát hoạt động các cơ quan tư pháp: Còn nhiều hạn chế”, tại trang <http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Xa-hoi/674961/giam-sat-hoat-dong-cac-co-quan-tu-phap-con-nhieu-han-che>, [truy cập ngày 03/04/2014].
163. Phạm Thị Túy (2010), “Vai trò kinh tế của nhà nước trong thể chế kinh tế toàn cầu hiện nay”, *Tạp chí Tổ chức Nhà nước*, (5).
164. Trương Đình Tuyển (2015), “TPP không có Việt Nam thì không có ý nghĩa gì”, tại trang <http://cafef.vn/vi-mo-dau-tu/ong-truong-dinh-tuyen-tpp-khong-co-viet-nam-thi-khong-co-y-nghia-gi-20151121142246331.chn>, [truy cập ngày 21/11/2015].

165. Đào Trí Úc (Chủ biên) (2006), *Mô hình tổ chức và hoạt động của nhà pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (sách chuyên khảo), Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.
166. Đào Trí Úc, Phạm Hữu Nghĩa (Đồng chủ biên) (2009), *Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn* (sách chuyên khảo), Nhà xuất bản Từ điển bách khoa, Hà Nội.
167. Đào Trí Úc, “Mối liên hệ giữa nhà nước với xã hội dân sự và vấn đề cải cách hành chính”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, (200), trang 10.
168. Đào Trí Úc, Trương Thị Hồng Hà (2018), *Hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
169. W. H. Janeway (2017), *Chủ nghĩa tư bản trong nền kinh tế đổi mới - thị trường, đầu cơ và vai trò của nhà nước*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
170. Văn phòng Quốc hội (2019), “Cơ sở dữ liệu của Văn phòng Quốc hội năm 2019”, tại trang <http://quochoi.vn/vanphongquochoi>, [truy cập ngày 20/6/2019].
171. Hạ Vân (2004), “Về vai trò kinh tế của nhà nước ở Trung Quốc”, *Tạp chí thông tin khoa học xã hội*, (7).
172. Nguyễn Hữu Viện (2001), *Luật Kinh tế*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.

173. Viện Kinh tế Việt Nam (2015), *Diễn đàn Kinh tế Việt Nam, Tổng kết 30 năm phát triển kinh tế Việt Nam (giai đoạn 1986 - 2015)*, Hà Nội.
174. Viện Ngôn ngữ học (2000), *Từ điển tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đà Nẵng, Trung tâm Từ điển học.
175. Viện Quan hệ quốc tế Pháp (2003), *Thế giới toàn cảnh*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
176. Phạm Thái Việt (2008), *Vấn đề điều chỉnh chức năng và thể chế của Nhà nước dưới tác động của toàn cầu hoá*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.
177. Võ Khánh Vinh (2009), “Một số ý kiến về sự thể hiện quan điểm xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam khi bổ sung, phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, (3), trang 1 - 5.
178. Ngô Doãn Vịnh (2013), *Giải thích thuật ngữ trong nghiên cứu phát triển*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
179. VnExpress (2015), “Chính phủ tham gia Facebook”, tại trang <http://vnexpress.net/tin-tuc/thoi-su/chinh-phu-tham-gia-facebook-3299512.html>, [truy cập ngày 21/10/2015].
180. VOV5 (2018), “Kim ngạch xuất, nhập khẩu năm 2018 ước đạt 475 tỷ USD”, tại trang <http://vovworld.vn/vi-VN/kinh-te/kim-ngach-xuat-nhap-khau-nam-2018-uoc-dat-475-ty-usd-704925>, [truy cập ngày 12/8/2018].

181. Nguyễn Thị Vy (1999), *Chức năng kinh tế của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật, Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật.

Tài liệu tiếng Anh

182. Dang, L.N.V., Napier, N.K. & Vuong, Q.H. (2012), *It takes two to tango: Entrepreneurship and creativity in troubled times - Vietnam 2012. Sociology Study*, 2(9), pp. 662 - 674.
183. Douglass C.North (1990), *Institution, Institutional Change and Economic Performance*, p. 4.
184. Duman, A., & Kurekova, L. (2012), “The role of state in development of socio-economic models in Hungary and Slovakia: the case of industrial policy”, *Journal of European Public Policy*, 19(8), pp. 1207 - 1228.
185. Fan, S., Huong, P.L., & Long, T.Q. (2004), *Government spending and poverty reduction in Vietnam. Draft Report Prepared for the World Bank - Funded Project “Pro-Poor Spending in Vietnam,”* by International Food Policy Research Institute, Washington, DC and Central Institute for Economic Management, Hanoi.
186. Gainsborough, M. (2002). *Political change in Vietnam: In search of the Middle-Class challenge to the state*, *Asian Survey*, 42(5), pp. 694 - 707.
187. Ha-Joon Chang (2014), *Economics: The User’s Guide* A Pelican Introduction, Pelican Limited.

188. Irma Adelman and Cynthia Taft Morris (1967), *Society, Politics and Economic Development - A Quantitative Approach* (Hopkins Press).
189. Irma Adelman (1999), "The role of government in economic development", *Working Paper No.890*, University of California at Berkeley, May.
190. Lee, K and Mathews, J. (2010), "From Washington Consensus to BeST Consensus for World Development", *Asian Pacific Economic Literature*, 24 (2010,1), pp. 86 - 103.
191. Melanie Beresford (2008), "Doi Moi in review: The challenges of building market socialism in Vietnam", *Journal of Contemporary Asia*, 38:2, pp. 221 - 243, DOI:10.1080/00472330701822314.
192. Migdal, J.S. (1988). *Strong societies and weak states: state-society relations and state capabilities in the Third World*, Princeton University Press, pp. 269.
193. Vuong, Q.H. (2014), *Be rich or don't be sick: Estimating Vietnamese patients' risk of falling into destitution*, Working Papers CEB, N°14/031, Université Libre de Bruxelles.
194. Vuong, Q.H. & Napier, N.K. (2014), *Resource curse or destructive creation in transition: Evidence from Vietnam's corporate sector*. *Management Research Review*, 37(7), pp. 642 - 657 (Article's URL).

195. Yan Flint (2011), The Beijing - Seoul - Tokyo Consensus in Southeast Asia: Rethinking Varieties of State Capitalism and Development Trajectories in Malaysia, Vietnam and Lao PDR, Conference: *Rethinking Development in an Age of Scarcity an Uncertainty: New values, Voices and Alliances for Increased Resilence*, University of York, UK, Sep.